

Số: 97 /BC-TCKH

Cù Lao Dung, ngày 03 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

**Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Cù Lao Dung,
quý II năm 2023**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Cù Lao Dung về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương huyện Cù Lao Dung năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3246/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương huyện Cù Lao Dung năm 2023;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Cù Lao Dung đến quý II năm 2023.

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Cù Lao Dung báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Cù Lao Dung đến quý II năm 2023 theo quy định tại Điều 12 Thông tư 343/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

(Kèm theo Biểu số 93-94-95/CK-NSNN)

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Cù Lao Dung đến quý II năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Đài Truyền Thanh
(phối hợp đăng Công TTĐT huyện);
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Lý Văn Chương

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 97 /BC-TCKH, ngày 03 tháng 7 năm 2023)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	31.500	22.382	71	95
I	Thu cân đối NSNN	31.500	22.382	71	95
1	Thu nội địa	31.500	22.382	71	95
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	300.930	164.718	55	78
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	291.130	134.074	46	102
1	Chi đầu tư phát triển	24.459	21.917	90	115
2	Chi thường xuyên	260.963	112.157	43	100
3	Dự phòng ngân sách	5.708		0	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	9.800	30.644	313	38

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 97/BC-TCKH, ngày 03 tháng 7 năm 2023)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	31.500	22.382	71	95
I	Thu nội địa	31.500	22.382	71	95
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		60		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	5.500	3.531	64	100
4	Thuế thu nhập cá nhân	6.800	3.927	58	93
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	6.000	3.009	50	73
7	Thu phí, lệ phí	1.200	890	74	109
8	Các khoản thu về nhà, đất	11.000	9.179	83	104
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
-	Thu tiền sử dụng đất	9.000	4.162	46	70
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.000	5.017	251	177
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	1.000	1.786	179	88
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	26.780	19.079	71	100
1	Từ các khoản thu phân chia	5.400	2.497	46	70
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	21.380	16.582	78	107

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 97/BC-TCKH, ngày 03 tháng 7 năm 2023)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	300.930	184.618	61	
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ	38.797	19.900	51	
B	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	252.333	134.074	53	
I	Chi đầu tư phát triển	24.459	21.917	90	115
1	Chi đầu tư cho các dự án	24.259	21.917	90	
2	Chi đầu tư phát triển khác	200		0	
II	Chi thường xuyên	222.166	112.157	50	100
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	136.881	57.133	42	
2	Chi khoa học và công nghệ (2)				
3	Chi quốc phòng	1.671	5.799	347	
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	328	1.050	320	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	1.392	1.392	100	
6	Chi văn hóa thông tin	2.183	1.333	61	
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	464	147	32	
8	Chi thể dục thể thao	603	362	60	
9	Chi bảo vệ môi trường	2.320	416	18	
10	Chi các hoạt động kinh tế	22.641	2.338	10	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	30.856	33.501	109	
12	Chi bảo đảm xã hội	17.684	7.553	43	
13	Chi thường xuyên khác	5.143	1.133	22	
III	Dự phòng ngân sách	5.708	0	0	
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	9.800	30.644	313	38
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		21.944		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	9.800	8.700	89	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				